

Số: 53/2024/QĐST-HNGĐ

A Lưới, ngày 21 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ
THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 41/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Đoàn Thanh L, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Bà Trần Thị Ánh T, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình và căn cứ vào kết quả hòa giải ngày 13 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế nhận định;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Thanh L và bà Trần Thị Ánh T đăng ký kết hôn ngày 24/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc nên quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà T là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, hai vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, không quan tâm nhau, không yêu thương nhau; vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm, không còn tình cảm gì với nhau nữa. Ông L và bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông L và bà T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc

thuận tình ly hôn giữa ông **L** và bà **T** là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa ông **L** và bà **T**.

[2] Về con chung: Có ba người con chung:

- Đoàn **Trần Thanh N**, sinh ngày 01/7/2011.
- Đoàn **Trần Khánh T1**, sinh ngày 22/4/2014.
- Đoàn **Trần Thanh K**, sinh ngày 08/7/2019.

Ông **L** và bà **T** thỏa thuận giao hai cháu **Đ Trần Khánh T1** và Đoàn **Trần Thanh K** cho bà **Trần Thị Ánh T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi hai cháu **Khánh T1** và **Thanh K** trưởng thành (đủ 18 tuổi); Giao cháu **Đ Trần Thanh N** cho ông **Đoàn Thanh L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu **Thanh N** trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hai bên không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về lệ phí Toà án: Hai bên thỏa thuận bà **T** chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Tại biên bản hoà giải ngày 13 tháng 8 năm 2024, hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận với nhau về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thỏa thuận về lệ phí. Việc thỏa thuận của đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Đoàn Thanh L** và bà **Trần Thị Ánh T** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có ba người con chung:

- Đoàn **Trần Thanh N**, sinh ngày 01/7/2011.
- Đoàn **Trần Khánh T1**, sinh ngày 22/4/2014.
- Đoàn **Trần Thanh K**, sinh ngày 08/7/2019.

Ông **L** và bà **T** thỏa thuận giao hai cháu **Đ Trần Khánh T1** và Đoàn **Trần Thanh K** cho bà **Trần Thị Ánh T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi hai cháu **Khánh T1** và **Thanh K** trưởng thành (đủ 18 tuổi); Giao cháu **Đ Trần Thanh N** cho ông **Đoàn Thanh L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu **Thanh N** trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hai bên không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Các đương sự chịu 300.000 đồng tiền lệ phí thuận tình ly hôn. Hai bên thỏa thuận bà **T** chịu 300.000 đồng tiền lệ phí thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà bà **T** đã nộp 300.000 theo biên lai số: 0002580 ngày 26/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A Lưới. Bà **T** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện A Lưới;
- UBND xã Hương Phong;
(ĐKKH ngày 24/12/2010);
- TAND tỉnh TT-Huế;
- Chi cục THADS A Lưới;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Vĩnh